

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MY TRẦN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MY TRẦN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MY TRAN CONSTRUCTION AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MY TRAN COIN CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108104195

**3. Ngày thành lập:** 21/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7, Tổ dân phố 1 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0947926468

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện );<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép;                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4662     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;                                                  | 4663     |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4100     |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4210     |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4220     |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311     |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                  | 4312        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                    | 4322        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;                                                          | 7730        |
| 14. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                 | 2394        |
| 15. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                           | 2395        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                               | 8299        |
| 17. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;                                                                                      | 6810        |
| 18. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Tư vấn bất động sản;<br>- Môi giới bất động sản;                                                                                  | 6820        |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                        | 5210(Chính) |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                | 5229        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;                                                                                                                         | 4932        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;                                                                                                                                 | 4933        |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô;                                                                                                                                                                 | 7710        |
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                 | 4632        |
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; | 4649        |
| 26. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                | 4651        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ NGUYỆT | P910 – Nhà A6A Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 14.000.000.000        | 70,000    | 031187000365                                                                                                                                      |         |
| 2   | TRẦN VĂN NGỌC   | Thôn 7, Xã Lại Xuân, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                                | 3.000.000.000         | 15,000    | 031084001191                                                                                                                                      |         |
| 3   | TRẦN VĂN TÙNG   | Thôn 7, Xã Lại Xuân, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                                | 3.000.000.000         | 15,000    | 031636882                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ NGUYỆT

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031187000365

Ngày cấp: 27/10/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P910 – Nhà A6A Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P910 – Nhà A6A Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội